

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015 CỦA ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

A. TUYỂN SINH THEO PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG KẾT QUẢ THI THPT QUỐC GIA

TT	Tên trường/Ngành học	Ký hiệu trường Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	TS 2014		TS 2015 (DK)		Ghi chú
				Tỷ lệ chọi	Điểm chuẩn	Chỉ tiêu	Liên thông	
I	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	DDK				3060		
1	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	D140214	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	0.80	17.5	50		- Xét tuyển theo ngành, có tính đến ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của trường. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của trường được xác định từ điều kiện: chênh lệch điểm chuẩn thấp nhất của các ngành trong nhóm A và nhóm B không quá 2,0 điểm. - Nhóm B gồm 7 ngành: CN KT vật liệu xây dựng; KT công trình thủy; KT nhiệt; KT tàu thủy; KT xây dựng; KT hóa học; SPKT công nghiệp. - Nhóm A gồm 16 ngành còn lại. - <i>Ngành Kỹ thuật công trình thủy từ năm 2014 trở về trước được tuyển sinh dưới tên Kỹ thuật tài nguyên nước (mã ngành D580212)</i> - Có 50 chỉ tiêu đào tạo ngành SPKT Công nghiệp, thời gian đào tạo 4 năm, (<i>Sinh viên không phải đóng học phí</i>). - Có 20 chỉ tiêu dành cho đào tạo bằng 2 chính quy và 30 chỉ tiêu liên thông chính quy CĐ lên ĐH. * Chương trình đào tạo Chất lượng cao: Công nghệ thông tin; KT điện, điện tử; KT điều khiển & tự động hóa; KT xây dựng công trình giao thông. - Thông tin chi tiết tại trang web http://www.dut.edu.vn
2	Công nghệ sinh học	D420201	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	5.35	20.5	60	*	
3	Công nghệ thông tin	D480201	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	9.60	21.5	270	*	
4	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	D510105		0.96	17.5	60		
5	Công nghệ chế tạo máy	D510202		4.42	18.5	140	*	
6	Quản lý công nghiệp	D510601		1.60	18.5	60		
7	Kỹ thuật cơ khí	D520103		6.47	19.0	150	*	
8	Kỹ thuật cơ - điện tử	D520114		4.67	21.0	80	*	
9	Kỹ thuật nhiệt	D520115		1.35	17.5	150	*	
10	Kỹ thuật tàu thủy	D520122		0.74	17.5	50		
11	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201		6.44	20.0	200	*	
12	Kỹ thuật điện tử và viễn thông	D520209		2.82	18.5	220	*	
13	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	D520216		5.23	20.5	120		
14	Kỹ thuật hóa học	D520301	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	1.42	17.5	60	*	
15	Kỹ thuật môi trường	D520320		2.68	18.5	70	*	
16	Kỹ thuật dầu khí	D520604		3.14	19.5	80		
17	Công nghệ thực phẩm	D540101	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	4.95	20.5	120	*	
18	Kỹ thuật công trình xây dựng	D580201		4.78	19.0	240	*	
19	Kỹ thuật công trình thủy	D580202		0.45	17.5	60		
20	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205		2.28	18.5	200	*	
21	Kỹ thuật xây dựng	D580208		1.24	18.5	60		
22	Kinh tế xây dựng	D580301		2.33	18.5	100		
23	Quản lý tài nguyên và môi trường	D850101	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	4.60	18.5	60		
24	Các chương trình đào tạo hợp tác quốc tế							
	Ch.trình tiên tiến ngành Điện tử viễn thông	D905206	1. Toán, Vật lí, Tiếng Anh		18.5	80		
	Ch.trình tiên tiến ngành Hệ thống nhúng	D905216			18.5	40		
	Ch.trình đào tạo Kỹ sư CLC Việt - Pháp		1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh		18.5	80		
	Chương trình hợp tác đào tạo quốc tế của VN-UK					200		
II	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ	DDQ				2030		
A	Đào tạo đại trà							
1	Kinh tế	D310101	1. Toán, Vật lí, Hóa học	1.88	18.5	190		- Xét trúng tuyển theo ngành, thí sinh trúng tuyển vào ngành sẽ được chọn học bất kỳ chuyên ngành thuộc ngành đã đăng ký - Có 20 chỉ tiêu liên thông chính quy Cao đẳng lên Đại học - Thông tin chi tiết tại trang web http://www.due.udn.vn.
2	Quản lý Nhà nước	D310205	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	1.60	15.0	75		
3	Quản trị kinh doanh (chuyên ngành QTKD tổng quát, QT chuỗi cung ứng)	D340101	3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	8.19	21.0/19.0	150		
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103		14.16	21.0/19.0	140	*	
5	Quản trị khách sạn	D340107		9.54	19.5	90		
6	Kinh doanh thương mại	D340121		3.80	19.0	100	*	
7	Tài chính - Ngân hàng	D340201		3.59	19.5	50	*	
8	Quản trị nhân lực	D340404		4.18	19.0	70		
9	Hệ thống thông tin quản lý	D340405		0.94	19.0	120	*	
10	Luật	D380101		4.39	18.5	90		
11	Luật kinh tế	D380107		5.25	19.5	80		
12	Thống kê	D460201		0.80	18.5	40		

B	Đào tạo chất lượng cao							
1	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành quản trị tài chính)		1. Toán, Vật lí, Hóa học	8.19	21.0/19.0	100		* Các ngành, chuyên ngành đào tạo Chất lượng cao của Trường Đại học Kinh tế không đào tạo đại trà.
2	Kế toán		2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	7.97	20.0	200	*	
3	Kiểm toán		3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	6.64	21.0	110		
4	Marketing			5.83	19.5	95		
5	Kinh doanh quốc tế (chuyên ngành Ngoại thương)			2.85	20.0	150		
6	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành: Ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp)			3.59	19.5	180	*	
III	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ	DDF				1500		
1	Sư phạm tiếng Anh	D140231	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	5.01	20.5/17.5	140		- Môn thi chính: Ngoại ngữ, hệ số 2. - Sau khi trúng tuyển vào ngành, trường sẽ xét chọn vào chuyên ngành theo nguyện vọng của thí sinh đăng ký khi nhập học. Tiêu chí xét vào chuyên ngành là điểm trúng tuyển vào ngành theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp. Chi tiêu cụ thể được công bố trên trang thông tin tuyển sinh của trường. - Trong 1500 chỉ tiêu đào tạo đại học hệ chính quy có 200 chỉ tiêu đào tạo Sư phạm (<i>Sinh viên không phải đóng học phí</i>). * Chương trình đào tạo Chất lượng cao Ngôn ngữ Anh (<i>Tiếng Anh, Tiếng Anh thương mại</i>); Quốc tế học. - Thông tin chi tiết tại trang web http://ufl.udn.vn .
2	Sư phạm tiếng Pháp	D140233	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	1.23	13.0	30		
3	Sư phạm tiếng Trung Quốc	D140234	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung	7.87	16.5	30		
4	Ngôn ngữ Anh	D220201	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	3.83	19.75/17.25	640		
5	Ngôn ngữ Nga	D220202	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Nga 3. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	4.74	15.0/14.25	70		
6	Ngôn ngữ Pháp	D220203	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	4.24	15.0/13.0	70		
7	Ngôn ngữ Trung Quốc	D220204	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung	9.06	18.0/17.5	105		
8	Ngôn ngữ Nhật	D220209	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Nhật	4.08	18.75/16.5	100		
9	Ngôn ngữ Hàn Quốc	D220210	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	4.19	16.5	100		
10	Quốc tế học	D220212	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	6.56	18.25/17.25	135		
11	Đông phương học	D220213	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	1.50	13.0	80		
IV	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM	DDS				1930		
1	Giáo dục Tiểu học	D140202	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	29.64	18.5	60		- Điểm xét trúng tuyển theo ngành - Có 570 chỉ tiêu đào tạo sư phạm trình độ đại học, 40 chỉ tiêu đào tạo trình độ cao đẳng (ngành Sư phạm âm nhạc) (<i>Sinh viên không phải đóng học phí</i>). - Thông tin chi tiết tại trang web http://daotao.ued.vn .
2	Giáo dục Chính trị	D140205	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	3.22	15.5/14.0	50		
3	Sư phạm Toán học	D140209	1. Toán, Vật lí, Hóa học	14.30	22.0/21.5	50		
4	Sư phạm Tin học	D140210	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	6.90	18.5/17.5	50		
5	Sư phạm Vật lý	D140211	1. Toán, Vật lí, Hóa học	7.88	19.5	50		
6	Sư phạm Hoá học	D140212		9.38	21.5	50		
7	Sư phạm Sinh học	D140213	1. Toán, Hóa học, Sinh học	9.30	17.5	50		
8	Sư phạm Ngữ văn	D140217		9.00	18.0	50		
9	Sư phạm Lịch sử	D140218	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	3.68	14.0	50		
10	Sư phạm Địa lý	D140219		7.56	15.5	50		
11	Việt Nam học	D220113		6.36	15.5/14.0	80		
12	Lịch sử	D220310	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	0.16	15.5/14.0	50		
13	Văn học	D220330	2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1.03	15.5/14.0	110		
14	Văn hoá học	D220340		0.38	15.5/14.0	65		
15	Tâm lý học	D310401	1. Toán, Hóa học, Sinh học 2. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	4.79	16.5/14.0	70		
16	Địa lý học	D310501	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	0.89	15.5/14.0	70		
17	Báo chí	D320101	2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	3.39	15.5/14.0	120		
18	Công nghệ sinh học	D420201	1. Toán, Hóa học, Sinh học	6.75	17.5	65		
19	Vật lý học	D440102	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	3.71	18.5/17.5	65		
20	Hóa học	D440112	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	3.98	18.5	200		

21	Địa lý tự nhiên	D440217	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Sinh học	3.22	18.5/16.5	70		
22	Khoa học môi trường	D440301	1. Toán, Vật lí, Hóa học	5.63	18.5	70		
23	Toán ứng dụng	D460112	1. Toán, Vật lí, Hóa học	2.95	18.5/17.5	130		
24	Công nghệ thông tin	D480201	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	5.03	18.5/17.5	120		
25	Công tác xã hội	D760101	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí 2. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	4.22	15.5/14.0	70		
26	Quản lý tài nguyên và môi trường	D850101	1. Toán, Hóa học, Sinh học	8.45	16.5	65		
V	PHÂN HIỆU ĐHĐN TẠI KONTUM	DDP				495		
	Các ngành đào tạo đại học					415		- Điểm xét trúng tuyển theo ngành đào tạo. - Có 100 chỉ tiêu đào tạo Sư phạm trình độ đại học (<i>Sinh viên không phải đóng học phí</i>). - Ngoài xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia, PHKT có xét tuyển các ngành theo kết quả học tập trong học bạ của thí sinh (<i>Xem thông tin chi tiết trong đề án tuyển sinh riêng của ĐHĐN</i>). - Thông tin chi tiết tại trang web http://www.kontum.udn.vn.
1	Giáo dục Tiểu học	D140202	1. Toán, Vật lí, Hóa học	1.18	13.0	60		
2	Sư phạm Toán học	D140209	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh		13.0	40		
3	Quản trị kinh doanh	D340101	3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	0.68	13.0	40		
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103		0.32	13.0	15		
5	Kinh doanh thương mại	D340121		0.22	13.0	15		
6	Kế toán	D340301		1.08	13.0	20		
7	Luật kinh tế	D380107			13.0	20		
8	Kinh doanh nông nghiệp	D620114			13.0	15		
9	Tài chính - ngân hàng	D340201			13.0	30		
10	Công nghệ thông tin	D480201	1. Toán, Vật lí, Hóa học	0.28	13.0	40		
11	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	0.36	13.0	40		
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205	3. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	0.40	13.0	40		
13	Kinh tế xây dựng	D580301		0.48	13.0	40		
	Các ngành đào tạo cao đẳng					80		
1	Kế toán	C340301	1. Toán, Vật lí, Hóa học		10.0	20		
2	Kinh doanh thương mại	C340121	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh			20		
3	Công nghệ sinh học	C420201	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Sinh học		10.0/11.0	20		
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C510102	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	0.08	10.0	20		
VI	KHOA Y - DƯỢC	DDY				200		
1	Y đa khoa	D720101	1. Toán, Hóa học, Sinh học		24.0	140		- Điểm xét tuyển theo ngành đào tạo. - Thông tin chi tiết tại trang web http://smp.udn.vn.
2	Điều dưỡng	D720501	1. Toán, Hóa học, Sinh học	0.99	21.5	60		
VII	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ	DDC				2030		
1	Hệ thống thông tin quản lý	C340405	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	0.08	10.0	90		- Điểm xét tuyển theo trường. - Các thí sinh trúng tuyển vào trường nhưng không trúng tuyển vào ngành đã đăng ký được xét tuyển sang ngành khác căn cứ vào điểm thi và nguyện vọng của thí sinh. - Có 50 chỉ tiêu lên thông chính quy từ trung cấp chuyên nghiệp lên cao đẳng. - Thông tin chi tiết tại trang web http://dct.udn.vn/daotao
2	Công nghệ sinh học	C420201	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Sinh học 3. Toán, Hóa học, Tiếng Anh 4. Toán, Sinh học, Tiếng Anh	0.28	10.0/11.0	90		
3	Công nghệ Thông tin	C480201	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	1.79	10.0	220	*	
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C510102	1. Toán, Vật lí, Hóa học	0.49	10.0	80		
5	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C510103	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	0.95	10.0	160	*	
6	Công nghệ kỹ thuật giao thông	C510104	3. Toán, Vật lí, Ngữ văn	0.27	10.0	110	*	
7	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	C510201		1.39	10.0	180	*	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	C510203		0.57	10.0	120		
9	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	C510205		2.98	11.0	170	*	
10	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	C510206		0.44	10.0	100		
11	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C510301		1.66	10.0	280	*	

12	Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông	C510302	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Hóa học, Sinh học 3. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	0.46	10.0	110	*	
13	Quản lý xây dựng	C580302		0.20	10.0	60		
14	Công nghệ kỹ thuật hoá học	C510401		0.09	10.0/11.0	70		
15	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C510406		0.77	10.0/11.0	100		
16	Công nghệ thực phẩm	C540102		1.01	11.0/12.0	90		
VI II	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	DDI				1050		
1	Quản trị kinh doanh	C340101	1. Toán, Vật lí, Hóa học	1.63	10.0	120		- Điểm chuẩn trúng tuyển chung cho toàn trường. Sau đó xét vào ngành, chuyên ngành. - Có 80 chỉ tiêu liên thông chính quy cho 2 ngành: Công nghệ thông tin; Kế toán. - Thông tin chi tiết tại trang web http://www.cit.udn.vn .
2	Marketing	C340115	2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	0.82	10.0	50		
3	Kế toán	C340301	3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	0.53	10.0	180	*	
4	Khoa học máy tính	C480101	4. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	1.01	10.0	70		
5	Truyền thông và mạng máy tính	C480102		1.19	10.0	70		
6	Hệ thống thông tin	C480104		0.18	10.0	60		
7	Công nghệ thông tin	C480201		3.78	10.0	340	*	
8	Tin học ứng dụng	C480202		0.77	10.0	110		
9	Công nghệ kỹ thuật máy tính	C510304		1.00	10.0	50		

B. TUYỂN SINH RIÊNG

B.1. Thi tuyển có môn thi năng khiếu

TT	Tên trường/Ngành học	Mã ngành	Môn thi	Chỉ tiêu	Điểm xét tuyển
I	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	DDK			
1	Kiến trúc	D580102	Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	140	- Điểm xét tuyển = Vẽ mỹ thuật*2 + Toán*1,5 + Ngữ văn
II	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM	DDS			
1	Giáo dục Mầm non	D140201	1. Toán, Ngữ văn, Năng khiếu	60	- Điểm xét tuyển = Toán + Ngữ văn + Năng khiếu
2	Sư phạm Âm nhạc	C140221	1. Ngữ văn, Kiến thức âm nhạc, Năng khiếu âm nhạc	40	- Điểm xét tuyển = Ngữ văn + Kiến thức âm nhạc*2 + + Năng khiếu âm nhạc*2
III	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ	DDC			
1	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	C510101	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3. Toán, Vật lí, Ngữ văn 4. Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	70	

- Môn **Năng khiếu** do ĐHĐN ra đề và tổ chức thi; các môn còn lại sử dụng kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, cụm thi do các trường đại học chủ trì.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHĐN.

B.2. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập

I	PHÂN HIỆU ĐHĐN TẠI KON TUM	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tiêu chí xét tuyển
	Các ngành đào tạo đại học		85	- Điểm xét tuyển = Toán TB + Văn TB + Môn tự chọn TB. - Điểm trung bình của 3 môn dùng để xét tuyển là điểm trong năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (5 học kỳ). - Môn tự chọn là một trong các môn: <i>Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý</i> . - Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHĐN. - Thông tin chi tiết tại trang web http://www.kontum.udn.vn .
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103	15	
2	Kinh doanh thương mại	D340121	15	
3	Kế toán	D340301	20	
4	Luật kinh tế	D380107	20	
5	Kinh doanh nông nghiệp	D620114	15	
	Các ngành đào tạo cao đẳng		70	
1	Kế toán	C340301	20	
2	Kinh doanh thương mại	C340121	15	
3	Công nghệ sinh học	C420201	20	
4	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C510102	15	

- * **ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG** tổ chức đào tạo và cho phép sinh viên hệ chính quy đăng ký học chương trình 2 giữa các trường thành viên thuộc ĐHĐN (QĐ số 384/QĐ-ĐHĐN-ĐT ngày 28/01/2011).
- * Xem thông tin chi tiết về tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng tại trang web <http://ts.udn.vn>.